

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/HS-ST
Ngày 08-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Đức Thọ

Thẩm phán: Ông Vi Khánh Dân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm;

Ông Đàm Văn Lý và ông Hoàng Đàm Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Xuân Trúc - Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Nông Thế Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 2 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 03 năm 2026 đối với:

Bị cáo **Lương Văn H**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 18/04/2001 tại: C, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Lương Văn M (đã chết); con bà: Triệu Thị K, sinh năm: 1971; nghề nghiệp: Lao động tự do; cùng trú tại: Xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng; anh chị em ruột: Có 03 chị em (Bị cáo là con út trong gia đình); vợ: Ma Thị Y, sinh năm: 2005; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con: có 01 con, sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn từ ngày 12/10/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đoàn Thị T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

- Bị hại: Ông Triệu Tà C, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Sùng Văn N –

Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số nhà C, đường N, tổ D, phường P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+Trần Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, Phường X, thành phố Hà Nội, (Vắng mặt).

+ Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, Khu B, phường N, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Bàn Chàn P, sinh năm 1981; địa chỉ: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, Công an xã H, tỉnh Cao Bằng nhận được Đơn tố giác của công dân ông Triệu Tà C, sinh năm 1975, trú tại: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng đối tượng bị tố giác là Lương Văn H, sinh năm 2001, trú tại: xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông với số tiền 755.000.000 đồng, hình thức xin không phải đi chấp hành án phạt tù đối với con trai của ông là Triệu Tồn C1, sinh năm 2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh phép”, quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Cụ thể như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2024, Lương Văn H đến nhà ông Triệu Tà C thông qua nói chuyện, giao tiếp H nói có thể lo được cho Triệu Tồn C1 không bị chấp hành án phạt tù, điều kiện ông C phải đưa cho H số tiền 500.000.000 đồng, đề H lo việc. Tuy nhiên, ông C chỉ chuẩn bị được số tiền 400.000.000 đồng, được H đồng ý. Ngày 28/4/2024, khi ông C gom đủ tiền xong có gọi điện thoại để thông báo cho H hẹn thời gian, địa điểm cùng đến Bưu điện huyện B, tỉnh Cao Bằng (nay là Bưu điện xã B) để chuyển tiền vào tài khoản của H trước khi đi ông Triệu Tà C có rủ ông Bàn Chàn P (sinh năm: 1981, trú tại: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng) cùng đi theo. Khi H gặp ông C gặp nhau tại xã B do ông C và ông P không biết viết chữ, ông C nhờ H là người viết giấy nộp tiền vào số tài khoản của H. Sau khi chuyển tiền xong H đưa cho ông C tờ Giấy chuyển tiền viết tay với số tiền 400.000.000 đồng. Khoảng 02 tháng sau đó, ông C vẫn không thấy C1 được về nhà nên gọi điện thoại để hỏi, lúc này H nói cần chuyển thêm số tiền 190.000.000 đồng, ông C tiếp tục gom đủ số tiền, sau đó rủ Bàn Chàn P cùng đi đến xã B, tỉnh Cao Bằng khi hai bên gặp nhau H đưa ông C, ông P đến nhà một người phụ nữ là người quen của H tại xã B để chuyển số tiền do H yêu cầu, tại đây ông C đưa cho người phụ nữ tổng số tiền 129.000.000 đồng, để chuyển vào tài khoản của L do H cung cấp, còn lại số tiền 61.000.000 đồng, ông C đưa trực tiếp cho H và trả thêm cho người phụ nữ tiền phí để chuyển khoản với số tiền 645.000 đồng; ngày 30/7/2024, giống như lần trước đó H gọi điện cho ông C nói là còn thiếu số tiền 100.000.000 đồng, bảo ông C trực tiếp đem tiền mặt đến Ngân hàng A - Chi nhánh huyện B để

chuyển tiền vào tài khoản của L do H cung cấp số tài khoản của L cho ông C tại nơi chuyển tiền H đã trực tiếp viết phiếu chuyển tiền, tự cất giữ phiếu chuyển tiền trên, lần này ông C không biết ai là người nhận được số tiền 100.000.000 đồng, vừa chuyển. Ngày 05/8/2024, như các lần trước đó H gọi điện thoại cho ông C và nói chuyển thêm số tiền 50.000.000 đồng, tiền ăn uống cho C1 cho H thì C1 mới được về nhà, lần này ông C đã đem theo tiền và nhờ Lục Văn T1 (sinh năm: 1990 trú tại: xã H, tỉnh Cao Bằng) để chuyển khoản vào số tài khoản của L do H cung cấp gửi cho T1 để chuyển khoản; đến ngày 20/8/2024, H thông tin cho ông C nói đưa thêm số tiền 15.000.000 đồng, nói đó là tiền công của H, lần này ông C hẹn gặp trực tiếp để đưa tiền cho H địa điểm tại chợ L3, xã H, tỉnh Cao Bằng. Sau khi đưa đủ tổng số tiền 755.000.000 đồng, theo như yêu cầu của H nhưng không thấy C1 được về nhà, ông C đã đến nhà ở của H để đòi lại số tiền, nhưng H không trả lại.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định: Kết quả thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giao nhận tiền từ tài khoản của Lương Văn H để làm rõ. Tại cơ quan điều tra H khai nhận, bản thân có quen biết với Trần Văn L, sinh năm 1985, trú tại: Tổ A, phường X, thành phố Hà Nội do có quan hệ thường xuyên trao đổi mua bán gỗ với nhau. Tháng 4/2025, khi đến nhà ông Triệu Tà C qua nói chuyện biết được việc Triệu Tòn C1 đã bị Cơ quan Công an bắt về hành vi *Đưa người xuất nhập cảnh trái phép*, ông C hỏi H xem quen biết ai có thể xin bảo lãnh cho C1 được không, sau đó H liên hệ ngay với Trần Văn L và L trả lời có thể, nhưng phải chuẩn bị tiền nên H có nói lại với ông C để lo chuẩn bị tiền cho L, khi đã gom được số tiền theo H yêu cầu, ông C cùng ông P hẹn H đến Bưu điện huyện B để chuyển số tiền 400.000.000 đồng, vào số tài khoản của mình, khi đã có tiền trong tài khoản H đã tiếp tục chuyển khoản với số tiền 370.000.000 đồng, đến tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Ngọc S do L gửi số tài khoản cho H và L thông tin lại với H nói là chưa đủ tiền yêu cầu ông C chuyển thêm 04 (bốn) lần sau đó, do không được cầm tiền nên H không nhớ chính xác số tiền đã chuyển chỉ nhớ tổng số tiền khoảng hơn 700.000.000 đồng, số tiền trên H chưa được hưởng lợi nhuận gì, được L hứa sẽ trả công cho H nhưng không nói là sẽ cho nhưng không cụ thể số tiền công. Sau đó, Lương Văn H có mua đổi điện thoại di động khác nên không còn sao lưu được các tin nhắn trong ứng dụng zalo với Trần Văn L, trao đổi về nội dung chạy giám án cho Triệu Tòn C1, chỉ còn các nội dung H nhắn hỏi chỗ giam giữ của C1 và thông tin việc ông Triệu Tà C đến nhà đòi tiền H. Tuy nhiên, các nội dung trên Trần Văn L không trả lời nội dung liên quan đến việc xin chạy giám án cho C1 và chỉ có các nội dung trao đổi mua bán gỗ giữa L và H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra gửi công văn đến Ngân hàng B - Chi nhánh tỉnh C tra cứu thông tin chủ tài khoản ngân hàng số: 2610137104 và trích xuất lịch sử giao dịch từ 27/4/2024 đến 01/8/2025. Kết quả chủ tài khoản ngân hàng số: 2610137104 là Trần Văn L, số điện thoại đăng ký là 0962.983.938, và kết quả tra cứu lịch sử giao dịch của tài khoản có các khoản tiền sau: Ngày 02/5/2024, H chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng, vào số tài khoản ngân hàng của Trần Văn L; ngày 28/7/2024 Lê Thị H1 chuyển khoản 129.000.000 đồng; ngày 29/7/2024

Lương Văn H chuyển khoản 49.000.000 đồng; ngày 30/7/2024 Lương Văn H chuyển khoản 100.000.000 đồng; ngày 06/9/2024 Triệu Tạ C chuyển khoản 50.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn L khai nhận: Bản thân có quen biết với Lương Văn H, sinh năm: 2001; trú tại: xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng từ năm 2022 đến nay, việc L thường xuyên trao đổi mua bán gỗ với H có sử dụng số điện thoại 0775.126.866 đăng ký tài khoản Zalo, sử dụng số tài khoản ngân hàng B số 2610137104 để trao đổi các khoản tiền mua bán gỗ với Lương Văn H. Đầu năm 2025, do có việc quen biết từ trước H liên hệ đặt tiền để mua gỗ để xây nhà nên H nhiều lần chuyển tiền cho L, H không nhớ rõ các lần chuyển tiền chi tiết cụ thể. H chỉ nhớ được chuyển khoản cho L với số tiền 670.000.000 đồng, sau khi nhận tiền vào tài khoản của mình L đã đi mua các loại gỗ và gom về để tập chung tại sân của L, có địa chỉ tại đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ. Vì Lương Văn H chưa chuyển đủ số tiền mua gỗ, do đó L chưa chuyển gỗ lên Cao Bằng cho H. Ngoài việc trao đổi mua bán gỗ với nhau thì L không biết việc H xin bảo lãnh hoặc lo chạy án cho ai và số tiền H chuyển để mua gỗ có nguồn gốc từ đâu L cũng không biết rõ. Các nội dung trao đổi với H qua ứng dụng Zalo L1 không biết Triệu Tàn C1 là ai và không liên quan đến việc đòi tiền để chạy giám án và cũng chưa được gặp hoặc để trao đổi, không biết gì đến người đàn ông có tên gọi Triệu Tạ Chán .

Tại Cơ quan điều tra Lương Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, hành vi trên đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ, đề nghị truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại Điều 174 BLHS.

Cáo trạng số 11/CTr-VKSCB-P2 ngày 26/2/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lương Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm theo như nội dung, quyết định mà Cáo trạng đã truy tố đối với Lương Văn H sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố, bị cáo Lương Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn H mức từ 12 năm đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 586 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo H phải bồi thường trách nhiệm dân sự với tổng số tiền 593.000.000 đồng, chưa khắc phục để hoàn trả cho người bị hại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 áp dụng đối với bị cáo H theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trình bày: Về trách nhiệm hình sự, bị cáo Lương Văn H có nơi cư trú rõ ràng, thực hiện hành vi phạm tội với tổng số tiền 743.000.000 đồng, chưa được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi mở phiên tòa đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng, được bị hại làm Đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, trong khi nghị án đề nghị xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; từ những căn cứ trên, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 54 của BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị xem xét, xử dưới khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định. Ngoài ra, trước khi mở phiên tòa bị cáo và gia đình đã có đơn xin miễn toàn bộ tiền án phí đề nghị HĐXX quan tâm xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trình bày: tôi đồng ý một phần với Cáo trạng số: 11/CT-VKSCNG-P2, ngày 26/2/ 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố đối với bị cáo Lương Văn H về tội danh và điều luật đã truy tố. Tuy nhiên, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các nội dung sau:

Bị cáo H khai rõ, sau khi nhận tiền từ ông Triệu Tà C thì chuyển khoản ngay cho đối tượng Trần Văn L, do có hứa hẹn trước đó có nội dung việc chạy giảm án cho (Triệu Tồn C1) con trai ông C, cơ quan điều tra có tiến hành đối chất giữa bị cáo H với L; tuy nhiên, nội dung có mâu thuẫn, nhưng chưa được làm rõ, giữa Nguyễn Ngọc S và Trần Văn L về thời điểm L vay số tiền 450.000.000 đồng, vào đầu năm 2024. Việc L khai rằng H chuyển tiền mua bán gỗ của L, thực chất có vay tiền từ năm 2023 nên chuyển trả trực tiếp cho T2 và S, khi nhận được số tiền 370.000.000 đồng, S chuyển ngay luôn cho L số tiền 70.000.000 đồng, ngày 28/4/2024, chuyển cho T2 300.000.000 đồng, sau đó Nguyễn Thị T2 đã chuyển toàn bộ số tiền còn lại lần 1 là: 100.000.000 đồng cho L, lần 2 là: 200.000.000 đồng, cho L;

Về chứng cứ, nhiều hình ảnh về việc H nhắn tin trên ứng dụng Zalo đòi tiền L, có tin nhắn Lâm trả lời H nhưng bị chụp thiếu nội dung, cơ quan Điều tra không trưng cầu giám định để kết luận, khôi phục dữ liệu bị xóa,...là thiếu và vi phạm nghiêm trọng thủ tục thủ tục tố tụng hình sự;

Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có gỗ tại bãi đất, chỉ có biên bản làm việc, không có căn cứ, chứng minh việc L mua gỗ cho H và không có liên quan gì đến việc mua gỗ của L;

Từ những căn cứ trên, tôi đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng các Điều 86, 99, 107; Điều 245, 280 BLTTHS. Trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ đối tượng Trần Văn L có hành vi đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản để không bỏ lọt tội phạm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H không bổ sung đối với đề nghị của người bào chữa cho người bị hại, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là sai và vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để sớm được trở về cùng gia đình, tái hòa nhập cộng đồng và không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo H và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ, được thu thập đúng theo quy định của pháp luật, có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận.

Tháng 4 năm 2024, sau khi biết con trai của ông Triệu Tà C có tên gọi Triệu Tồn C1 bị bắt về hành vi “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” Lương Văn H đã đến gặp ông C và nói có thể giúp cho C1 không bị đi chấp hành án phạt tù và yêu cầu ông C đưa tiền để lo việc, được ông C đồng ý trực tiếp cùng người thân đến nơi đã hẹn thực hiện chuyển và đưa tiền theo yêu cầu của H quá trình điều tra đã xác minh điều tra làm rõ, tổng số những lần ngày, tháng theo biên lai chuyển tiền hoặc ông C trực tiếp đưa tiền cho H và nhờ Lương Văn H để viết giấy chuyển khoản tại ngân hàng vào số tài khoản của H với số tiền 728.000.000 đồng, (*bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn*).

Tại phiên tòa, Lương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và các vật chứng được thu thập khách quan. Hành vi phạm tội của bị cáo là trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ, làm nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác về an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm. Hành vi trên đã cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bản Cáo trạng số: 11/CTr-VKSCB-P2 ngày 26/2/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng với quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo Lương Văn H còn khai nhận

được trực tiếp với ông Triệu Tạ C số tiền 15.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền trên.

Việc đưa bị cáo H ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội và đối với những người đang có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Lương Văn H chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra, bị cáo Lương Văn H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, mục đích để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là có căn cứ pháp luật.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hướng xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01(Một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu Iphone 11 ProMax số IMEI 1 353890105199415. IMEI 2. 353890105263914 (đã qua sử dụng). Xét thấy, chiếc điện thoại trước đó bị cáo H sử dụng để liên lạc với ông C và liên hệ trao đổi với L là điện thoại khác (Chiếc điện thoại cũ trước đó). Chiếc điện thoại cơ quan điều tra thu giữ là điện thoại do bị cáo mới mua, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ được điện thoại này không sử dụng thực hiện vào việc phạm tội nên cần hoàn trả lại cho bị cáo H là có căn cứ pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lương Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tổng số tiền 743.000.000 đồng, cho bị hại Triệu Tạ Chán . Xác nhận, trước khi xét xử bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại Chán số tiền 150.000.000 đồng, được bị hại nhất trí và làm Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Số tiền còn lại, buộc bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại Chán tổng số tiền 593.000.000 đồng, (bằng chữ: Năm trăm chín ba triệu đồng), đồng thời phải chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền chưa thi hành theo luật định.

[6] Về án phí: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo H đã giao nộp Đơn xin được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lương Văn H thuộc diện được miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8] Các nhận định khác:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo Lương Văn H tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo và xem xét xử dưới khung hình phạt. Đối với đề nghị trên trong khi nghị án Hội đồng xét xử đã xem xét đánh giá, phân tích các tình tiết tăng, nặng giảm nhẹ để quyết định áp dụng hình phạt. Xét thấy, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa để áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, đề nghị xem xét hoàn trả hồ sơ bổ sung để khởi tố, truy tố Trần Văn L2 đồng phạm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử nhận định trong vụ án đối tượng Trần Văn L là người nhiều lần được Lương Văn H chuyển tiền vào tài khoản của L. Tuy nhiên, quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ chứng cứ làm rõ, việc bị cáo H chuyển tiền vào tài khoản của L để đáp ứng nội dung và thực hiện công việc gì cụ thể, chỉ dựa vào lời khai của bị cáo chưa đủ căn cứ chứng minh về hành vi đồng phạm của L, khi có đủ căn cứ pháp luật, sẽ tiếp tục được xử lý và giải quyết bằng một vụ án khác.

Các đối tượng Nguyễn Ngọc S, Lê Thị H1, Lục Văn Thế là những người liên quan đến việc chuyển và nhận tiền trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ giao dịch dân sự nên không xem xét biện pháp xử lý đối với những người trên.

[9]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

Lời nói sau cùng của bị cáo H đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố, bị cáo Lương Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật, mức hình phạt:

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn H 12 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo H bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/10/2025;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585 và Điều 586 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị hại ông Triệu Tạ C2 số tiền 593.000.000 đồng, (bằng chữ: Năm trăm chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự hiện hành, trừ trường hợp có quy định khác".

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Lương Văn H: 01(Một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu Iphone 11 ProMax số IMEI 1 353890105199415. IMEI 2. 353890105263914 (đã qua sử dụng).

Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 39 ngày 02/03/2026.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Lương Văn H được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo luật định.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện Công tố & Kiểm sát xét xử PT;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Đức Thọ

Nơi nhận:

- Viện Công tố & Kiểm sát xét xử PT;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Đức Thọ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Đức Thọ

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Lâm Đàm Văn Lý Hoàng Đàm Thanh Vi K1 Dẫn

Nơi nhận:

- Viện Công tố & Kiểm sát xét xử PT;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Đức Thọ